**TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC (p. 123 – 132)**

Nhứt Thiết Hữu Bộ truyền bá hệ thống giáo lý chưa từng đề cập trong Phật Giáo Nguyên Thủy. Thông qua văn học A Tỳ Đàm, những quan điểm của Phật Giáo Nguyên Thủy được làm sáng tỏ hơn, rõ ràng hơn. A Tỳ Đàm cho rằng: “Vô Thường” nghĩa là 4 ***saṃskṛta-lakṣaṇa*** bị giới hạn, bị ràng buộc. Cùng tư tưởng với Phật Giáo Nguyên Thủy, A Tỳ Đàm cũng quan niệm Giác Ngộ là trạng thái sau cùng chứng ngộ Tánh Không ***(avidyā).*** Tánh Không đề cập ở đây là trạng thái không ý chí, cũng không trí tuệ.

Nhứt Thiết Hữu Bộ lập luận rằng nhận thức chỉ sinh khởi từ những đối tượng thật sự tồn tại ***(sālambana).*** Điều này hoàn toàn trái ngược với quan điểm của Bộ Dārṣtāntika; Bộ này khẳng định: vạn pháp - dù tồn tại dưới hình thức nào, dù là không thực có, cũng là đối tượng của nhận thức. Sự khác biệt chính là những đối tượng không thực sự tồn tại.

Trong khi Thượng Tọa Bộ và Nhứt Thiết Hữu Bộ không chấp nhận khả năng tự biết của nhận thức, thì Đại Chúng Bộ tán đồng quan điểm này. Đại Chúng Bộ cho rằng chủ thể và đối tượng nhận thức đôi khi chỉ là một. Tư tưởng này, về sau được Phái Du Già tiếp nhận.

Thuyết Thần học của Nhứt Thiết Hữu Bộ thừa nhận Tính Vô Ngã ***(pulgala-nairātmya),*** và sự tồn tại vạn pháp dưới dạng thực thể (dravyasat of dharma). Cụ thể hơn, thực thể gồm 4 dạng: (1). pháp vốn có sẵn trong thế gian, như đàn ông, đàn bà, cái bình, cái hủ, cái quần, cái áo, rừng cây, nhà cửa,... (2). pháp do đối đãi mà thành, như “dài-ngắn”, “cái này-cái kia”... (3). pháp hư dối, chỉ tồn tại trong ngôn từ, không bao giờ có thật, như “lông rùa, sừng thỏ, đứa con của người đàn bà đá”..., (4). pháp do sự kết hợp mà nên, ví như cá thể con người (pudgala). Rõ ràng là dravyasat không chỉ là sự tồn tại của vạn pháp theo nhận thức thông thường, mà là tất cả thực thể trừu tượng, hư ảo, tự hiển hiện, phát sinh theo thời gian. Thực thể ở đây được hiểu là dravya or vastu (vatthu).

**Sau này, Nhứt Thiết Hữu Bộ chia vạn pháp thành 2 nhóm: ultimate sense (paramārthasat), và conventional sense (saṃvṛtisat). Do sự thừa nhận 2 nghĩa của thuật từ Dharma, phái Nhứt Thiết Hữu Bộ dạy dharma, là 1 thuộc tính có thể đạt đến mức ….???**

Dharmas được xem là thực thể trừu tượng tồn tại vượt thời gian, từ quá khứ, đến hiện tại, đến vị lai. Tuy hình dáng bên ngoài thay đổi, nhưng bản thể tự nhiên của dharmas là bất biến.

Vậy điều gì xuất hiện và biến mất theo thời gian? Vấn đề này từng được các học giả người Nhật tranh cãi quyết liệt, nhất là các vị theo khuynh hướng nắm giữ truyền thống lâu xưa. Trong khi các học giả theo phái Kofukuji Temple (Northern Temple) chủ trương bản thể của vạn pháp sẽ xuất hiện và biến mất, thì các học giả theo Gangiji Temple (Southern Temple) khẳng định chức năng của dharmas mới là cái xuất hiện và biến mất.

Hiện có 2 tư tưởng tâm lý tồn tại trong Văn học A Tỳ Đàm. Một cho rằng Tâm giữ vai trò quyết định cùng sự hỗ trợ của các món Tâm Sở; và hai là bác bỏ điều vừa nêu.

Theo sự truyền thừa của các thuyết thần học trong A Tỳ Đàm, vạn pháp được chia thành Ngũ Uẩn, mà Nhứt Thiết Hữu Bộ gọi là Saṃskṛtas.

**Theo đó, vạn pháp được chia thành 5 nhóm sau:**

1. **Sắc pháp (rūpa), chia thành 2 nhóm primary (bhūta = mahābhūta) và secondary (bhautika)**
2. Thức: 1
3. Tâm Sở: 46
4. Bất Tương Ưng: 14
5. Vô vi pháp: 3

Trong đó, sắc pháp có 8 đặc tính. Theo Nhứt Thiết Hữu Bộ, có nhiều đặc tính như vậy là do các nghiệp chưa rõ ràng, chưa quyết định là khinh hay trọng (unmanifested karma).

Nhứt Thiết Hữu Bộ lại chia sắc pháp (rūpa) “nhìn thấy được” thành 2: sắc màu (varṇa) và hình dáng (saṃsthāna), đồng thời thừa nhận 8 loại saṃsthāna. Quan điểm 10 Mahābhūmikā dharmāh, do triết gia Vasumitra lần đầu tiên khởi xướng, sau này được tìm thấy trong Dhātukāyapāda, Prakaraṇapāda. Thuật từ Tâm sở chỉ xuất hiện vào thời kỳ phân chia bộ phái. Trước đó, Phật giáo Nguyên Thủy chưa từng đề cập đến Tâm Sở. Qua đó, các lậu hoặc, phiền não (klesa) được liệt kê chi tiết. Ngài Thế Thân (Vasubandhu) chính là “cha đẻ” của từ “Tâm sở” trong Luận Câu Xá (Abhidharma-kosa); bộ Luận này đã trình bày anityabhūmi dharma. Trong khi Nhứt Thiết Hữu Bộ cho rằng có 46 món Tâm sở, thì Visuddhimagga đưa ra số 53. Vào thời điểm này, số Tâm sở ít nhiều sai khác theo bộ phái. Luận A Tỳ Đàm của Nhứt Thiết Hữu Bộ còn tiên phong triển khai tư tưởng cittaviparyukta dharma.

**Triết gia Kumāralāta khẳng định không có lạc thọ (sukhā vedanā) ???. Nhứt Thiết Hữu Bộ không** đồng tình ý kiến nêu trên.

Một trong những điểm then chốt nhất để phân biệt sự khác biệt Đại Tỳ Ba Sa Luận (Vaibhāṣika) và Tạng Luận của Thượng Tọa Bộ là khái niệm viprayukta-saṃskāras. **Khái niệm này đã bao gồm tất cả âm tiết, từ và câu, bất luận thời gian???**

Các nhà tư tưởng theo Phật giáo Bảo Thủ (Conservative Buddhism) chỉ liệt kê các pháp, nhưng không hệ thống hóa cố định. Tại Trung Hoa và Nhật Bản, Luận Câu Xá đề cập 75 pháp.

Đến thời kỳ Phật giáo Phát Triển hoặc khoảng khoảng trước đó, 22 indriyas bắt đầu được nhắc đến.

Vạn pháp đều có liên hệ với nhau, hoặc là ràng buộc, hoặc là quan hệ (pratyayas). Văn học A Tỳ Đàm đề cập đến nhiều hệ thống pratyayas khác nhau. Mối tương quan của vạn pháp có khả năng là 24 respects, mà Luận Abhidammatthasaṅgaha gọi là Paṭṭhāna-naya.

Quan điểm về Nghiệp (Karma) cũng ít nhiều khác biệt giữa các bộ phái. Vấn đề này sẽ được bàn luận chi tiết hơn trong phần Thượng Tọa Bộ. Riêng Nhứt Thiết Hữu Bộ cho rằng Karma là 1 dạng thực thể hữu hình; đồng thời giới thiệu thêm 1 dạng Karma khác nữa là “Hành động mà không hay biết” (avijṅapti-karma). Có thể hiểu đó là “thói quen đã huân tập từ đời trước”, giống như trái nho hình thành từ những hạt giống nho đã gieo trồng từ trước vậy. **Karma dạng này có chức năng ….???.** Nhứt Thiết Hữu Bộ cũng thừa nhận thuyết luân hồi tái sanh. “Trọng yếu của giới bản – Essence of Discipline” được tranh cãi quyết liệt giữa các chuyên gia thần học Phát Triển. Trong khi Nhứt Thiết Hữu Bộ chủ trương Giới Bổn cũng thuộc avijñaptirūpa, nên xem Phần Trọng Yếu của Giới (Essential Bodies of Precepts) chỉ gói gọn vào những điều nhìn thấy được, hữu hình, thì Kinh Lượng Bộ (Sautrātikas) bác bỏ điều ấy.

Quan điểm về “cái tốt-good” không được giảng rõ trong Phật giáo Nguyên Thủy, nhưng sau này được thảo luận, bàn bạc rất chi tiết. Tiêu chuẩn để đánh giá tốt-xấu được các nhà thần học trong các Bộ Luận tranh cãi mạnh mẽ. Tựu trung, những gì liên quan nirvāṇa là tốt, bằng ngược lại thì xấu.

Vũ trụ quan Phật giáo cũng là đề tài gây tranh luận. Trong khi Nhứt Thiết Hữu Bộ thừa nhận thuyết nguyên tử thì những nhà chủ trương Phật giáo Duy Tâm không tán đồng. **Thuyết ???..... (p.127)**

Cũng theo Nhứt Thiết Hữu Bộ, Triết lý về ý nghĩa avidyā chưa được làm sáng tỏ, thấu đáo. Nghĩa sau cùng nhất có thể hiểu đó là “unreasonable application of mind” (ayonisomanaskāra). Phật giáo Bảo Thủ chủ trương “lòng thành, sự trung thực (sraddhā)” chính là giềng mối để thông hiểu được Giáo pháp Phật Đà.

Các bộ phái Phật giáo đều nhất trí đường lối tu tập thiền quán, dẫu rằng phương cách thực tập thiền có đôi chút khác nhau. Nhứt Thiết Hữu Bộ đào sâu vào “three samādhis”. Thiền quán sẽ phát sinh trí tuệ (prajñā). Trong khi đó, **Đại Chúng Bộ (Mahāsaṅghika) cho rằng trí tuệ là không nhận biết đối tượng...???? Nhứt Thiết Hữu Bộ tóm lược lại con đường dẫn đến Giác Ngộ. Việc thực tập thiền quán sẽ dẫn đến 2 kết quả, 1 là darsamārga, và 2 là bhāvanā-mārga. 2 điều này sẽ được trình bày trong phần Phật giáo Duy Tâm (Buddhist Idealism) ở phần sau. Vị hành thiền miên mật, rốt ráo sẽ chứng Thánh quả A-la-hán.**

Nhứt Thiết Hữu Bộ và một số bộ phái khác thừa nhận thuyết Three-Vehicles. Vehicle của Đức Phật đã từng là Pratyekabuddhas và Srāvakas; đây chính điểm son cho sự ra đời của bản kinh Hoa Sen (Lotus Sutra) sau này. Nhứt Thiết Hữu Bộ khẳng định **Srāvakas, Pratyekabuddhas và Bodhisattvas could change their...???**

Theo Phật giáo Nguyên Thủy, “asaṃkhata” có nghĩa là nirvāṇa, là giải thoát. Trong khi Luận A Tỳ Đàm của Nhứt Thiết Hữu Bộ định nghĩa đó là thường còn bất biến.

Đến đây, vấn đề tiếp tục nảy sinh. Phật giáo chủ trương Thuyết Vô Ngã, vậy thì chủ thể nào giải thoát và giải thoát khỏi cái gì? Kết quả sau cùng là Tâm giải thoát và tự nó giải thoát theo đúng lời Đức Phật dạy trong Phật giáo Nguyên Thủy. **Thời Phật Giáo Thủ Cựu.... (p. 128). Trong khi đó** Kinh Lượng Bộ (Sautrātikas) trình bày về eka-rasa-skandhas, được giải thích rõ là “bījas of one state”.

**Tư tưởng này, nhất là Purify of Mind by Origin được ...........?? Nói gì đi nữa, Phật giáo Đại Thừa chủ trương có luân hồi, có tái sanh.**

**Vậy thì cái gì luân hồi, cái gì tái sanh? Nhứt Thiết Hữu Bộ cho đó là trạng thái chứng ngộ các bậc thiền (antarābhava). Độc Tử Bộ**(Vàtsiputriya) cũng gọi là**Trụ Tử Bộ** quả quyết đó là pudgala. Kinh Lượng Bộ thì không chấp nhận những học thuyết trong Tạng Luận, mà chỉ y cứ Tạng Kinh. Theo hệ văn học Non-Buddhist, **Kinh Lượng Bộ chủ trương sự tồn tại thế giới khác.?? Về sau, Luận Du Già (650-700 sau Tây Lịch) do Kamalasilā khởi xướng, được cho rằng là hậu duệ của Sāṃmitīya hoặc Kinh Lượng Bộ. Điều này cho thấy, sau thời kỳ Dharmakīrti, một số bộ phái Đại Thừa vẫn tiếp tục phát triển tỏa sáng, bên cạnh Hữu Bộ và Kinh Lượng Bộ. Đây chính là 2 trường phái chính yếu ....???**